

Số: 1090/KL-STP

Quảng Bình, ngày 20 tháng 5 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành pháp luật về chứng thực; hộ tịch; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật tại UBND xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Thực hiện Quyết định số 687/QĐ-STP ngày 08/4/2019 của Giám đốc Sở Tư pháp Quảng Bình, ngày 18 tháng 4 năm 2019, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 687/QĐ-STP đã tổ chức thanh tra công tác chứng thực; hộ tịch; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật tại UBND xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Trên cơ sở báo cáo kết quả thanh tra số 05/BC-ĐTTr ngày 04/5/2019 của Trưởng đoàn thanh tra, Giám đốc Sở Tư pháp Quảng Bình kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐỐI TƯỢNG THANH TRA

Lý Trạch là xã nông nghiệp thuộc vùng gò đồi, nằm ở phía Nam huyện Bố Trạch, có tổng diện tích tự nhiên 2.178,25ha, có đường địa giới hành chính giáp với 7 đơn vị hành chính thuộc huyện Bố Trạch và TP. Đồng Hới, dân số toàn xã có 1.111 hộ, 4.520 khẩu được phân bố ở 10 thôn. Có 13 chi bộ trực thuộc Đảng bộ, nền kinh tế của xã trong những năm qua có những tăng trưởng đáng kể, chuyển dịch cơ cấu đúng hướng, là một xã chuyên sản xuất nông nghiệp là chủ yếu và các ngành nghề dịch vụ. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu KT-XH trong những năm qua: Tổng diện tích gieo trồng hàng năm ổn định 650ha đạt 100% kế hoạch, tổng sản lượng lương thực hàng năm đạt 102% kế hoạch đề ra, sản lượng đánh bắt nuôi trồng thủy sản đạt 107% kế hoạch, thu nhập bình quân đầu người đạt 40.500.000/năm, thu ngân sách đạt 217% kế hoạch, chi ngân sách đạt 136% kế hoạch. Tỷ lệ hộ nghèo chiếm 2,56%, hộ cận nghèo 5,84%, xây dựng NTM đạt 16/19 tiêu chí, tỷ lệ hộ dùng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%, tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 85%.

UBND xã Lý Trạch đã bố trí 02 công chức Tư pháp - Hộ tịch, với trình độ chuyên môn Đại học Luật tham mưu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tư pháp. Đã trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác tư pháp và được bố trí tại phòng giao dịch một cửa, có máy tính kết nối mạng Internet phục vụ cho việc nhập phần mềm quản lý hộ tịch và các công việc giao dịch hàng ngày một cách thuận lợi; tủ sách pháp luật và tủ đựng hồ sơ tài liệu được bố trí thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng.

Công tác hộ tịch, chứng thực của UBND xã Lý Trạch được giải quyết cơ chế một cửa đảm bảo nhanh chóng, kịp thời đúng quy trình, thủ tục, thẩm quyền. Mức thu lệ phí được niêm yết công khai tại phòng giao dịch một cửa thuận tiện cho người dân đến giao dịch và tra cứu.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH VỀ TỪNG NỘI DUNG THANH TRA

1. Công tác chứng thực

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2018, UBND xã Lý Trạch đã thực hiện 10.689 việc chứng thực, trong đó:

- Chứng thực bản sao từ bản chính là 9.568 việc;
- Chứng thực hợp đồng giao dịch: 949 việc;
- Chứng thực chữ ký, điểm chỉ: 172 việc.

a) Về ưu điểm:

- UBND xã Lý Trạch đã quan tâm tạo điều kiện, bố trí về nhân sự, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc để thực hiện công tác chứng thực, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND xã tham gia ký chứng thực. Đồng thời, phân công cho công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu công tác chứng thực.

- UBND xã Lý Trạch đã bám sát các quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan để thực hiện chứng thực.

- Đã mở đầy đủ các loại sổ (sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch; sổ chứng thực chữ ký/chứng thực điểm chỉ; sổ chứng thực bản sao từ bản chính) theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư 20/2015/TT-BTP; đã cập nhật, ghi chép đầy đủ, rõ ràng vào sổ chứng thực các loại việc phát sinh; đã đóng dấu giáp lai và khóa sổ khi kết thúc năm.

- Hồ sơ lưu trữ tại UBND xã cơ bản sắp xếp theo số thứ tự đã đăng ký trong sổ; lưu trữ theo tháng, theo từng loại việc ngăn nắp, gọn gàng, ghi chép rõ ràng, lời chứng cơ bản được thực hiện theo mẫu quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

b) Về tồn tại, hạn chế

** Về công tác sử dụng và quản lý các loại sổ*

- Chưa điền các thông tin ở trang bìa của Sổ Chứng thực bản sao từ bản chính là chưa phù hợp với quy định tại Mục II Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP... Chưa thực hiện sửa chữa sai sót các nội dung trong Sổ chứng thực theo quy định tại Khoản 4 Phần hướng dẫn sử dụng sổ, chưa thực hiện đóng dấu giáp lai và khóa sổ khi kết thúc năm là chưa phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

** Về chứng thực chữ ký*

- Một số hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch nhưng lại vào Sổ Chứng thực chữ ký là chưa phù hợp với quy định Khoản 4 Điều 25, Khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Đồng thời, do xác định sai loại việc chứng thực

hợp đồng, giao dịch thành chứng thực chữ ký nên UBND xã đã thực hiện thu phí chứng thực đối với trường hợp này là 10.000đ là chưa phù hợp với quy định tại Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. Cụ thể, Hồ sơ chứng thực hợp đồng bảo lãnh, số chứng thực số 09/2017; chứng thực hợp đồng lao động, số chứng thực số 45/2017; chứng thực hợp đồng lao động Đài Loan, số chứng thực số 16/2017, Quyền số 01/2015-SCT/CK, ĐC.

- Hồ sơ chứng thực chữ ký trong Giấy Ủy quyền nhưng không thực hiện chứng thực chữ ký theo mẫu lời chứng mà thực hiện xác nhận về hộ khẩu thường trú và chữ ký là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 2 và Khoản 2 Mục I Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Cụ thể: Giấy ủy quyền, bên ủy quyền ông Lê Văn Phuru ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Lan (trú tại: Lý Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình).

- Hồ sơ chứng thực chữ ký chưa thực hiện lưu trữ là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

** Về chứng thực hợp đồng giao dịch*

- Tài sản là nhà ở trong hợp đồng tặng cho, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chưa được đăng ký quyền sở hữu nhưng vẫn chứng thực hợp đồng, giao dịch là chưa phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 118 Luật Nhà ở năm 2014 và Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (Hồ sơ chứng thực: 87/2017, quyền số 01/2015/SCT-HĐGD; Hồ sơ chứng thực: 83/2017, quyền số 01/2015/SCT-HĐGD; Hồ sơ chứng thực: 74/2017, quyền số 01/2017/SCT-HĐGD...).

- Hồ sơ chứng thực hợp đồng giao dịch nhưng UBND xã không thực hiện chứng thực chữ ký theo mẫu lời chứng mà thực hiện xác nhận về hộ khẩu thường trú và chữ ký là chưa phù hợp quy định tại Khoản 4 Điều 36 và Khoản 4 Mục I Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Cụ thể: Hồ sơ xác nhận văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Bắc Quảng Bình và ông Lê Văn Phuru (trú tại: Lý Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình)...

- Đa số hợp đồng, giao dịch lưu thiếu thành phần hồ sơ như Bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu có giá trị sử dụng là chưa phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Cụ thể: Hồ sơ chứng thực số 234/2015, Quyền số 01/2015/ SCT-HĐGD; Hồ sơ chứng thực số 233/2015, Quyền số 01/2015/ SCT-HĐGD; Hồ sơ chứng thực số 232/2015, Quyền số 01/2015/SCT-HĐGD...

- Các giấy tờ phải nộp trong hợp đồng, giao dịch như CMND, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất người đối chiếu chưa xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 6, Điểm c, Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Cụ thể, Hồ sơ chứng thực số 231; Quyền số 01/2015-SCT/HĐGD; Hồ sơ chứng thực số 230 Quyền số

01/2015-SCT/HĐGD; Hồ sơ chứng thực số 290 Quyền số 01/2015-SCT/HĐGD...

- Một số trường hợp thiếu giấy tờ hộ tịch chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản theo quy định của pháp luật về thừa kế (Hồ sơ chứng thực số 159/2018).

- Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không thỏa thuận phân chia hết phần di sản thừa kế mà các đồng thừa kế được hưởng (Hồ sơ chứng thực số 159/2018);

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng khi một trong hai bên vợ/chồng đã chết để lại di sản nhưng thiếu văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và người còn lại tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất là chưa phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế và hôn nhân, gia đình (Hồ sơ chứng thực số 160/2018).

2. Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

a) Ưu điểm

- UBND xã Lý Trạch đã quan tâm tạo điều kiện, bố trí về nhân sự, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc để thực hiện công tác đăng ký hộ tịch, quan tâm bố trí lãnh đạo UBND xã phụ trách công tác đăng ký hộ tịch. Đồng thời, phân công cho công chức Tư pháp- Hộ tịch tham mưu công tác đăng ký hộ tịch.

- UBND xã Lý Trạch đã bám sát các quy định của Luật Hộ tịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và các văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện đăng ký hộ tịch.

- Đã mở và cập nhật đầy đủ các loại sổ hộ tịch (Sổ đăng ký khai sinh, Sổ đăng ký khai tử, Sổ đăng ký kết hôn, Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch,...) theo quy định tại Thông tư số 15/2015/TT-BTP và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

- Hồ sơ lưu trữ tại UBND xã cơ bản sắp xếp theo số thứ tự đã đăng ký trong sổ; lưu trữ theo tháng, theo từng loại việc ngăn nắp, gọn gàng, ghi chép rõ ràng.

b) Tồn tại

** Về sổ đăng ký hộ tịch*

- Sổ Cấp bản sao trích lục chưa điền các thông tin ở trang bìa là chưa phù hợp với hướng dẫn sử dụng sổ hộ tịch quy định tại Danh mục biểu mẫu hộ tịch ban hành kèm theo Thông tư số 15/2015/TT-BTP. Khi chốt sổ chưa ghi ngày, tháng năm chốt sổ; số lượng trang đã đăng ký và chưa đóng dấu là chưa phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Hộ tịch, Khoản 3 Điều 27 của Thông tư số 15/2015/TT-BTP. Cụ thể: Trang số 36, Sổ Đăng ký khai sinh quyền số 02/2016; trang số 20, Sổ Đăng ký khai sinh quyền số 02/2017. Sổ Đăng ký kết hôn chưa thực hiện chốt sổ năm 2018.

- Tại trang số 58 Sổ Đăng ký khai tử năm 2017, Quyển số 01/2016, có ghi số đăng ký và tên người đăng ký nhưng không ghi nội dung, đồng thời hồ sơ đăng ký đối với trường hợp này không lưu trữ là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 34 Luật Hộ tịch và Khoản 2 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

- Chưa thực hiện sửa chữa sai sót trong Sổ hộ tịch theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP. Cụ thể: Tại trang 23, 29, 30, 25, 45...của Sổ Đăng ký khai tử năm 2017; tại trang 38, 48, 59, 60,63...của Sổ Đăng ký khai tử năm 2017 quyển số 01/2016; tại trang 18, 48, 59, 60,63...của Sổ Đăng ký khai tử năm 2017 quyển số 01/2016.

** Hồ sơ đăng ký lại khai sinh*

- Đa số tại phần lý do đăng ký lại khai sinh của Tờ khai, chưa thực hiện ghi hoặc ghi lý do đăng ký lại khai sinh chưa đầy đủ các điều kiện để được đăng ký lại khai sinh theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP. Cụ thể, hồ sơ số 128/2018, đăng ký ngày 16/11/2018; hồ sơ số 135/2018, đăng ký ngày 26/11/2018; hồ sơ số 144/2018, đăng ký ngày 20/12/2018...

- Đa số hồ sơ đăng ký lại khai sinh thiếu nội dung “Cam đoan nộp đủ các loại giấy tờ có liên quan...” là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 24, Điểm a, Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP. Cụ thể, hồ sơ số 114/2018, đăng ký ngày 16/10/2018; hồ sơ số 113/2018, đăng ký ngày 16/10/2018; hồ sơ số 112/2018, đăng ký ngày 16/10/2018...

- Đa số hồ sơ đăng ký lại khai sinh thiếu các loại giấy tờ chứng minh mối quan hệ cha, mẹ con và giấy tờ, tài liệu làm cơ sở cho việc đăng ký khai sinh lại là chưa phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP. Cụ thể, hồ sơ số 128/2018, đăng ký ngày 16/11/2018; hồ sơ số 135/2018, đăng ký ngày 26/11/2018; hồ sơ số 144/2018, đăng ký ngày 20/12/2018...

- Hồ sơ đăng ký lại khai sinh lưu giấy tờ làm cơ sở cải chính là bản chụp Giấy đăng ký kết hôn không có chữ ký xác nhận đã đối chiếu bản chính là chưa phù hợp Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 15/2015/TT-BTP. Cụ thể, hồ sơ số 120/2018, đăng ký ngày 02/11/2018; hồ sơ số 127/2018, đăng ký ngày 16/11/2018...;

** Về đăng ký khai tử*

Hồ sơ đăng ký khai tử lưu Quyết định về hưởng trợ cấp xã hội, Giấy chứng nhận thương binh là chưa phù hợp với Điều 34 Luật Hộ tịch, Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 15/2015/TT-BTP. Cụ thể, hồ sơ đăng ký khai tử của ông Lê Văn Uyết, đăng ký ngày 27/02/2017; hồ sơ đăng ký khai tử của ông Nguyễn Văn Đúy, đăng ký ngày 09/8/2018.

** Về đăng ký kết hôn:* Một số hồ sơ Tờ khai đăng ký kết hôn thiếu phần khai của bên nam, bên nữ là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 18

Luật Hộ tịch. Cụ thể, hồ sơ số 01, 02 ngày 03/01/2017; hồ sơ số 03 ngày 06/01/2017; hồ sơ số 04, 05 ngày 07/01/2017...

** Về cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:*

- Tại trang số 51, số 02/2017; trang số 63, số 14/2017; trang số 99, số 48/2017 của Sổ Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, ở phần mục đích sử dụng chưa thực hiện theo hướng dẫn ghi Sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định tại Khoản 5 Điều 25 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

- Hồ sơ số 39 ngày 17/10/2017, Hồ sơ lưu thiếu Giấy Chứng tử trong trường hợp vợ đã chết, đồng thời tại phần tình trạng hôn nhân ghi chưa đúng theo Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 25 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

3. Công tác thu phí chứng thực, hộ tịch

a) Ưu điểm

Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực, hộ tịch cơ bản thực hiện đúng theo Thông tư liên tịch số 226/2016/TTLT-BTC-BTP ngày 11/11/2016 của liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. Thực hiện việc mở sổ, cập nhật theo dõi tình hình thu phí chứng thực, hộ tịch đầy đủ; lập và giao hóa đơn cho đối tượng nộp phí khi giao dịch theo quy định hiện hành.

b) Tồn tại

Vẫn còn một số trường hợp thu phí chứng thực chưa phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 226/2016/TTLT-BTC. Năm 2017 có 17 hợp đồng, giao dịch thu 30.000 đ/hợp đồng, giao dịch (số chứng thực 01 đến số 12 và từ số 14 đến số 18); 2018 có 01 hợp đồng, giao dịch (số chứng thực 148); có 02 văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản thu 20.000đ (số chứng thực 60, 66). Một số văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay lưu kèm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất không vào sổ và không thể hiện thu phí (số 147, 155/2018).

4. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở

a) Kết quả triển khai nhiệm vụ

Đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hướng dẫn Ban công tác Mặt trận phối hợp với trưởng thôn kiện toàn các tổ hòa giải ở các thôn, đến nay đã kiện toàn xong 10 tổ hòa giải với 85 hòa giải viên.

Hàng năm, UBND xã cũng đã cử các hòa giải viên tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ do UBND huyện và Sở Tư pháp tổ chức. Đã tổ chức các hoạt động PBGDPL phù hợp với nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân. Có tủ sách pháp luật đặt tại Bộ phận giao dịch Một cửa. Thực hiện đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật đúng quy định. Có hương ước, quy ước của các thôn trên địa bàn xã.

b) Tồn tại: Chưa bố trí kinh phí chi trả thù lao hòa giải viên theo quy định. Việc tổ chức, kiện toàn các tổ hòa giải chưa thực hiện thường xuyên. Lưu trữ hồ sơ

còn sơ sài. Các hoạt động PBGDPL chưa được tổ chức thường xuyên. Chưa chủ động bố trí kinh phí và tổ chức các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật tại địa bàn. Tủ sách pháp luật chưa được bổ sung sách, tài liệu pháp luật theo quy định. Hương ước, quy ước chưa được rà soát sửa đổi để phù hợp với quy định mới.

Chưa tổ chức thực hiện công tác sơ kết, tổng kết, thi đua khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác PBGDPL theo quy định. Công tác thống kê, báo cáo thực hiện còn hình thức.

5. Công tác ban hành, tự kiểm tra, rà soát văn bản QPPL

a) Về ưu điểm

UBND xã đã quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện bố trí cơ sở vật chất, kinh phí để thực hiện công tác ban hành, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL trên địa bàn. Hằng năm đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL và tổ chức triển khai thực hiện. Các văn bản QPPL được ban hành đúng thẩm quyền, nội dung phù hợp với văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của xã.

b) Về tồn tại, hạn chế

- Một số nghị quyết QPPL căn cứ văn bản hành chính để ban hành văn bản là chưa phù hợp với quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, như: Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND căn cứ Công văn số 111/KHHT, căn cứ Quyết định số 3605/QĐ-CT; Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTg, căn cứ Quyết định 572/QĐ-BKHĐT.

- Một số nghị quyết quy định hiệu lực văn bản là sau 7 ngày kể từ ngày thông qua là chưa phù hợp với quy định tại Điều 151 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, như: Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND.

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT

1. Ưu điểm

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, UBND xã Lý Trạch đã bám sát và cơ bản tuân thủ các quy định của Luật Hộ tịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp; Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 20/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp, Luật Hòa giải ở cơ sở, Luật Phổ biến giáo dục pháp luật, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định khác của pháp luật có liên quan để thực hiện. Đã quan tâm về cơ sở, vật chất, phương tiện làm việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai công tác tư pháp ở địa phương.

Đã làm tốt công tác tuyên truyền về Luật Hộ tịch; mở sổ, cập nhật, ghi chép vào sổ các khoản lệ phí và các việc hộ tịch phát sinh; sổ sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, sử dụng đúng màu mực để cập nhật các loại việc phát sinh; hồ sơ lưu trữ sắp xếp theo số thứ tự đã đăng ký trong sổ; lưu trữ theo tháng, theo từng loại việc ngăn nắp, gọn gàng, ghi chép rõ ràng. Việc đăng ký hộ tịch cơ bản đảm bảo

đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định; thực hiện chứng thực tuân thủ quy định của pháp luật. Nhìn chung ưu điểm là cơ bản và nổi trội.

2. Tồn tại, thiếu sót

a) Công tác chứng thực

Chưa điền các thông tin ở trang bìa của Sổ Chứng thực bản sao từ bản chính, chưa thực hiện sửa chữa sai sót các nội dung trong Sổ chứng thực theo quy định, chưa thực hiện đóng dấu giáp lai và khóa sổ khi kết thúc năm. Một số hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch nhưng lại vào Sổ Chứng thực chữ ký. Hồ sơ chứng thực chữ ký trong Giấy Ủy quyền nhưng không thực hiện chứng thực chữ ký theo mẫu lời chứng. Hồ sơ chứng thực chữ ký chưa thực hiện lưu trữ. Tài sản là nhà ở trong hợp đồng tặng cho, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chưa được đăng ký quyền sở hữu nhưng vẫn chứng thực hợp đồng, giao dịch. Hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch nhưng không thực hiện chứng thực theo mẫu lời chứng. Đa số hợp đồng, giao dịch lưu thiếu thành phần hồ sơ. Một số trường hợp thiếu giấy tờ hộ tịch chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không thỏa thuận phân chia hết phần di sản thừa kế mà các đồng thừa kế được hưởng. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng khi một trong hai bên vợ/chồng đã chết để lại di sản nhưng thiếu văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và người còn lại tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất.

b) Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

Sổ Cấp bản sao trích lục chưa điền các thông tin và chưa đóng dấu. Sổ Đăng ký kết hôn chưa thực hiện chốt sổ năm 2018. Trang số 58 Sổ Đăng ký khai tử năm 2017, Quyển số 01/2016, có ghi số đăng ký và tên người đăng ký nhưng không ghi nội dung, không lưu hồ sơ đăng ký đôi với trường hợp này. Chưa thực hiện sửa chữa sai sót trong Sổ hộ tịch theo quy định.

Đa số hồ sơ đăng ký lại khai sinh, phần lý do đăng ký lại khai sinh của Tòa khai chưa thực hiện ghi hoặc ghi lý do đăng ký lại khai sinh chưa đầy đủ các điều kiện theo quy định. Đa số hồ sơ đăng ký lại khai sinh thiếu nội dung “Cam đoan nộp đủ các loại giấy tờ có liên quan...”, thiếu các loại giấy tờ chứng minh mối quan hệ cha, mẹ con và giấy tờ, tài liệu làm cơ sở cho việc đăng ký khai sinh lại. Hồ sơ đăng ký lại khai sinh lưu giấy tờ làm cơ sở cải chính là bản chụp Giấy đăng ký kết hôn không có chữ ký xác nhận đã đối chiếu bản chính.

Hồ sơ đăng ký khai tử lưu Quyết định về hưởng trợ cấp xã hội, Giấy chứng nhận thương binh là chưa phù hợp với quy định.

- Một số hồ sơ Tòa khai đăng ký kết hôn thiếu phần khai của bên nam, bên nữ

- Sổ Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, ở phần mục đích sử dụng chưa thực hiện theo hướng dẫn ghi Sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định. Hồ sơ lưu thiếu Giấy Chứng tử trong trường hợp vợ đã chết, phần tình trạng hôn nhân ghi chưa đúng quy định.

c) Công tác thu phí chứng thực, hộ tịch.

Vẫn còn một số trường hợp thu phí chứng thực chưa phù hợp với quy định.

d) Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở

Chưa bố trí kinh phí chi trả thù lao hòa giải viên theo quy định. Việc tổ chức, kiện toàn các tổ hòa giải chưa thực hiện thường xuyên. Các hoạt động PBGDPL chưa được tổ chức thường xuyên. Chưa chủ động bố trí kinh phí và tổ chức các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật tại địa bàn. Tủ sách pháp luật chưa được bổ sung sách, tài liệu pháp luật theo quy định...

đ) Công tác ban hành, tự kiểm tra, rà soát văn bản QPPL

Một số nghị quyết QPPL căn cứ văn bản hành chính để ban hành văn bản, quy định hiệu lực văn bản sau 7 ngày kể từ ngày thông qua là chưa phù hợp.

3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm

Các tồn tại, thiếu sót nêu trên của UBND xã Lý Trạch là các sai sót phổ biến, thường gặp, chưa phát sinh hậu quả pháp lý cho các bên liên quan. Các sai sót này chưa đến mức phải xử lý hành chính hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền. Sở Tư pháp đã nhắc nhở đề địa phương chủ động khắc phục những thiếu sót mà Sở Tư pháp đã nêu, đồng thời, đề nghị địa phương nghiêm túc rút kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới. Một số trường hợp thu phí chứng thực hợp đồng, giao dịch chưa đúng quy định, nguyên nhân là do chưa kịp thời cập nhật văn bản mới về thu phí chứng thực hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã để áp dụng hoặc áp dụng văn bản hết hiệu lực để thực hiện, tuy nhiên UBND xã Lý Trạch đã khắc phục và thu phí theo quy định, vì vậy đề nghị địa phương rút kinh nghiệm.

UBND xã Lý Trạch đã thừa nhận những sai sót, tiếp thu các ý kiến góp ý trao đổi mà Sở Tư pháp đã chỉ ra và xin khắc phục các tồn tại, thiếu sót và rút kinh nghiệm trong thời gian đến.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Sở Tư pháp đã nhắc nhở, trao đổi trực tiếp đề UBND xã Lý Trạch biết, chủ động khắc phục những thiếu sót đã nêu và rút kinh nghiệm trong quá trình hoạt động của UBND xã trong thời gian tới.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị với UBND huyện Bố Trạch

Đề nghị UBND huyện Bố Trạch quan tâm chỉ đạo phòng Tư pháp huyện tăng cường kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ công tác tư pháp nói chung, công tác chứng thực, hộ tịch, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật nói riêng cho UBND cấp xã trên địa bàn. Kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót của các địa phương được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra. Tiếp tục quan tâm bố trí kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị làm việc cho hoạt động tư pháp; đồng thời chỉ đạo UBND cấp xã duy trì cấp kinh phí cho hoạt động hòa giải ở các địa phương, bảo đảm theo quy định.

2. Kiến nghị với Phòng Tư pháp huyện Bồ Trạch

Đề nghị phòng Tư pháp huyện Bồ Trạch tham mưu cho UBND cùng cấp có kế hoạch thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tư pháp nói chung, công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, chứng thực, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật nói riêng, không ngừng nâng cao năng lực cho công chức Tư pháp- Hộ tịch, bảo đảm triển khai tốt nhiệm vụ công tác tư pháp ở cơ sở.

Thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho tổ trưởng, tổ viên tổ hòa giải; cấp phát tài liệu cho các đối tượng có liên quan. Tăng cường tổ chức các hội nghị phổ biến, giáo dục pháp luật cho cơ sở, chú trọng đối tượng là hòa giải viên, tuyên truyền viên và nhân dân trên địa bàn. Tăng cường kiểm tra công tác tư pháp ở cơ sở.

Tiếp tục tham mưu UBND huyện hỗ trợ kinh phí, đồng thời chỉ đạo UBND cấp xã duy trì cấp kinh phí cho hoạt động hòa giải ở các địa phương, bảo đảm theo quy định.

3. Kiến nghị với UBND xã Lý Trạch

Tiếp tục phát huy những ưu điểm và kết quả đạt được. Sau thanh tra, đề nghị UBND xã quan tâm chỉ đạo thực hiện các giải pháp khắc phục những tồn tại thiếu sót nêu trên, để việc triển khai nhiệm vụ công tác tư pháp trong thời gian tới đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị UBND xã tiếp tục quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất để nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian đến.

Quan tâm hơn việc triển khai nhiệm vụ đăng ký, quản lý hộ tịch, chứng thực, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật; quan tâm hỗ trợ tài liệu, bố trí kinh phí, kiện toàn và nâng cao chất lượng hòa giải viên; hỗ trợ hoạt động cho các tổ hòa giải, định kỳ sơ kết, tổng kết, khen thưởng, động viên các hòa giải viên có nhiều cố gắng, tích cực, hoạt động hiệu quả.

Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thu phí hộ tịch, chứng thực đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu thực hiện tốt nhiệm vụ.

4. Kiến nghị với Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Lý Trạch

Phát huy ưu điểm, kịp thời khắc phục những tồn tại, thiếu sót trong quá trình tham mưu, tác nghiệp giúp UBND xã thực hiện tốt công tác tư pháp. Tăng cường nghiên cứu, học hỏi, trau dồi thêm nghiệp vụ để tham mưu giúp UBND xã thực hiện nhiệm vụ được giao đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục luật định.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về hộ tịch, chứng thực, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật tại UBND xã Lý Trạch. Sở Tư pháp yêu cầu UBND xã Lý Trạch và các cá nhân, tập thể có liên quan kiểm điểm, xác định trách nhiệm dẫn đến những sai sót nêu trên, kịp thời khắc phục các sai sót đã nêu tại Mục II, Mục III và Khoản 3, Mục V của Văn bản này, báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra cho Sở Tư pháp trước ngày **30/6/2019**.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Cục HT,QT,CT (BTP);
- Thanh tra tỉnh;
- UBND huyện Bố Trạch;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng HCTP;
- Phòng Phổ biến, GDPL;
- Phòng XD,KT,RS & TDTHPL;
- Phòng Tư pháp huyện Bố Trạch;
- UBND xã Lý Trạch;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT-HSTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

Trương Quang Sáng